

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **823** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình chuyển đổi số tại Bộ Công Thương
giai đoạn 2022-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 85/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình chuyển đổi số tại Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TMDT (DVC).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI BỘ CÔNG THƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2022-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 823/QĐ-BCT
ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương đã có sự chuyển biến rất tích cực so với giai đoạn 2010-2015 và đạt được những kết quả nhất định về công tác ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ. Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông về mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan Trung ương, qua các năm, từ vị trí cuối bảng xếp hạng trong các Bộ ngành, Bộ Công Thương đã vươn lên nhóm dẫn đầu, cụ thể: năm 2017 xếp hạng 17/19, năm 2018 xếp hạng thứ 2/19, năm 2019 xếp hạng thứ 2/17, năm 2020 xếp hạng thứ 6/18. Bộ Công Thương luôn hoàn thành các nhiệm vụ được Chính phủ giao về xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử trong Quyết định số 1819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Từ năm 2016 trở lại đây, Bộ Công Thương đã định hướng, triển khai được các ứng dụng nội bộ dùng chung cho các đơn vị trực thuộc Bộ (như ứng dụng thư điện tử, ứng dụng quản lý văn bản và điều hành, trang thông tin điều hành tác nghiệp nội bộ...), đạt được hiệu quả rất tích cực (100% cán bộ có tài khoản thư điện tử của đơn vị và sử dụng thành thạo; 100% đơn vị sử dụng ứng dụng quản lý văn bản và điều hành, trang thông tin điều hành tác nghiệp nội bộ); ... Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả các hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ theo định hướng của Chính phủ và các Bộ ngành chức năng (Cổng Dịch vụ công, Cơ chế một cửa quốc gia, Một cửa điện tử của Bộ...). Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sau nhiều năm triển khai thực hiện, Bộ Công Thương cũng rút ra được những kinh nghiệm quý báu trong công tác ứng dụng CNTT, những ưu điểm cần được phát huy, những hạn chế, thách thức cần phải giải quyết trong thời gian tới.

PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, xác định: “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”, Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động”;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng;

- Luật Công nghệ Thông tin số 67/2006/ QH11, ngày 29 tháng 6 năm 2006;

- Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13, ngày 11 tháng 11 năm 2011;

- Luật Thống kê số 89/2015/QH13, ngày 23 tháng 11 năm 2015;

- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19 tháng 11 năm 2015;

- Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử;

- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách trên toàn quốc đến 2020, định hướng 2025;

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23

tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025";

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh;

- Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

- Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030";

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Nghị quyết số 33-NQ/BCSD ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Ban cán sự đảng Bộ Công Thương về chương trình chuyển đổi số của Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 4849/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kiến trúc chính phủ điện tử Bộ Công Thương phiên bản 1 (version 1);

- Quyết định số 4918/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng Bộ Công Thương;

- Quyết định số 1330/QĐ-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ công Thương;

- Quyết định số 1598/QĐ-BCT ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số Bộ Công Thương;

- Quyết định số 1573/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2021 phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến Bộ Công Thương;

- Quyết định số 2745/QĐ-BCT ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử tại các đơn vị thuộc Bộ Công Thương trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, thực hiện chuyển đổi số một cách tổng thể và toàn diện đối với mỗi đơn vị, mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Công Thương trong cách thức làm việc dựa trên các công nghệ số., hướng tới chính phủ số, và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ Bộ Công Thương

a) Nâng cấp, vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng đảm bảo kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của Bộ và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Tỷ lệ văn bản trao đổi, hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% đối với các nội dung không mật.

b) Khai thác, sử dụng triệt để hộp thư điện tử được cấp, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng hiệu quả mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn; Xây dựng, khai thác dịch vụ nền tảng để đăng nhập trong các hệ thống thông tin theo cơ chế đăng nhập một lần (SSO - Single Sign On).

c) Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Công Thương kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ theo quy định của Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và 2780/QĐ-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục chế độ báo cáo định kỳ và biểu mẫu báo cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, đảm bảo 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các đơn vị được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống này.

d) Phát triển hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

đ) Phát triển các hệ thống đặc thù để dùng chung trong nội bộ của bộ để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

e) 50% hoạt động kiểm tra của Bộ Công Thương được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin điện tử.

g) Phát triển hệ thống trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của Bộ và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ chính phủ số của quốc gia.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Kết nối Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương với Cổng thông tin điện tử Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương.

b) Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, đảm bảo 100% các thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan.

c) 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ được xác thực điện tử.

d) 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu được tích hợp lên Cơ chế một cửa quốc gia.

đ) Hoàn thành việc kết nối Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ Công Thương với Hệ thống của Chính phủ, đảm bảo tiếp nhận 100% thông tin phản ánh của người dân và chuyển cho các đơn vị liên quan để giải quyết. Công bố 100% thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận được thông tin một cách chính xác và kịp thời.

g) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tích hợp 50% trở lên các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

h) 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

i) Xây dựng kế hoạch và triển khai công bố dữ liệu mở của Bộ; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình yêu cầu tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ để có thể xác định được những hệ thống thông tin cần bảo vệ, thuộc phạm vi quản lý của mình và triển khai các phương án bảo vệ hiệu quả, giảm thiểu chi phí đầu tư.

b) Triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia

c) Triển khai, đảm bảo vận hành trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

d) Đảm bảo 100% cán bộ được tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.

đ) Đảm bảo việc diễn tập, ứng cứu, khắc phục sự cố theo quy trình, quy định.

4. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương phiên bản 2 làm cơ sở định hướng công tác ứng dụng CNTT tại Bộ Công Thương; nâng cao khả năng tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, hạ tầng cơ sở thông tin, hạn chế đầu tư trùng lặp.

b) Xây dựng và ban hành các văn bản chính sách nhằm thống nhất hoạt động ứng dụng CNTT và bảo đảm công tác an toàn thông tin của ngành Công Thương.

c) Các văn bản pháp quy được rà soát, cập nhật để phù hợp với việc triển khai các thủ tục hành chính, các hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Xây dựng và hướng dẫn triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương phiên bản 2.0 và các phiên bản tiếp theo, đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam;

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo;

c) Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy cán bộ công chức, các đơn vị trực thuộc Bộ đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT, sử dụng hiệu quả các hệ thống CNTT vào công tác chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của các đơn vị trực thuộc Bộ, đưa tiêu chí này thành một trong các tiêu chí thi đua khen thưởng của các đơn vị trực thuộc Bộ;

d) Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trung hạn (05 năm) làm cơ sở xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể hằng năm của Bộ và các đơn vị;

đ) Xây dựng chiến lược dữ liệu cấp Bộ phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia;

e) Xây dựng quy chế kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu chia sẻ của các cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống thông tin ; các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc thông tin, dữ liệu trao đổi.

g) Xây dựng, ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ Công Thương

h) Xây dựng và ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở của Bộ Công Thương.

i) Xây dựng, ban hành danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định.

k) Xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu hằng năm tại Bộ Công Thương.

l) Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hàng năm.

m) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về chính phủ số bắt kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình chính phủ số, bảo đảm sự kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

n) Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật triển khai ứng dụng CNTT và Chính phủ điện tử cho Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ: (i) Nâng cấp và đảm bảo hoạt động của mạng nội bộ tại trụ sở 54 Hai Bà Trưng, trụ sở 21-23-25 Ngô Quyền và các trụ sở khác; (ii) Xây dựng mới và đảm bảo hoạt động của Trung tâm dữ liệu của Bộ và của các đơn vị trực thuộc Bộ; (iii) Đảm bảo hoạt động của Trung tâm dữ liệu bên ngoài Bộ; (iv) Đảm bảo hoạt động của các đường truyền số liệu chuyên dụng; (v) Duy trì kết nối Internet; (vi) Triển khai hệ thống giám sát hạ tầng của Bộ Công Thương; (vii) Đảm bảo Hệ thống các CSDL đang cài đặt và khai thác hoạt động ổn định phục vụ công tác quản lý (cấu hình, cập nhật, sao lưu, phục hồi, ...); (viii) Duy trì hoạt động của hệ thống hội nghị truyền hình.

b) Bảo đảm hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng hiệu quả.

c) Triển khai ứng dụng Điện toán đám mây, thuê dịch vụ và kết nối với Đám mây Chính phủ toàn quốc tại Trung tâm dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử của Bộ.

d) Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Bộ và công việc của của cán bộ.

đ) Đảm bảo 100% máy tính tại Bộ Công Thương được trang bị các phần mềm có bản quyền.

e) Thực hiện triển khai dịch vụ chứng thực điện tử và chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ công chức viên chức người lao động thuộc Bộ

g) Sử dụng giải pháp, thiết bị, công nghệ dựa trên công nghệ mở để triển khai các ứng dụng CNTT đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh;

h) Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

a) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Xây dựng, duy trì dịch vụ nền tảng để đăng nhập trong các hệ thống thông tin theo cơ chế đăng nhập một lần (SSO - Single Sign On).

c) Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Công Thương kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

d) Xây dựng các hệ thống đặc thù để dùng chung trong nội bộ của Bộ để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

đ) Xây dựng Trung tâm điều hành Bộ Công Thương.

4. Phát triển dữ liệu

a) Xây dựng và khai thác CSDL danh mục điện tử dùng chung của Bộ Công Thương, đồng bộ thống nhất giữa các danh mục do các đơn vị trực thuộc Bộ quản lý; đồng bộ với danh mục dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước.

b) Tiếp tục phát triển các CSDL quốc gia của ngành Công Thương.

c) Rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ kết nối; quản lý việc sử dụng, chia sẻ CSDL dùng chung của Bộ và của ngành Công Thương. Xây dựng kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu để sử dụng cho việc mở dữ liệu và kết nối với cổng dữ liệu quốc gia.

d) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin dữ liệu về các lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý;

đ) Cập nhật, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành, kết nối, liên thông, chia sẻ với các hệ thống và các CSDL quốc gia. Trong đó, tập trung kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử,

Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ phục vụ các giao dịch hành chính công, thương mại điện tử và làm giàu dữ liệu dân cư phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

e) Xây dựng hệ thống hỗ trợ cá nhân, tổ chức truy cập đến các thông tin dữ liệu do Bộ Công Thương quản lý.

g) Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của Bộ Công Thương.

h) Định kỳ kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu; quản lý chất lượng dữ liệu theo quy định hiện hành.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các đơn vị (phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo; họp trực tuyến; làm việc từ xa; phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; phục vụ các công tác khác;...).

- Duy trì, hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng của Bộ đảm bảo thực hiện quản lý hồ sơ công việc, kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp của Bộ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Thực hiện quản lý hồ sơ công việc tại tất cả các cấp của Bộ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng.

- Khai thác, sử dụng triệt để hộp thư điện tử được cấp, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng hiệu quả mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Duy trì hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ họp trực tuyến, làm việc từ xa.

- Xây dựng mới phần mềm quản lý cán bộ của Bộ.

- Xây dựng hệ thống phục vụ hoạt động kiểm tra của Bộ Công Thương thông qua môi trường số.

- Xây dựng hệ thống phòng họp không giấy tờ.

- Xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ.

- Xây dựng Cổng thông tin nội bộ, ứng dụng di động tập trung, hệ thống thông tin tập trung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động TMDT đáp ứng quy định tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP, kết nối với Cổng Dịch vụ công Bộ Công Thương, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Xây dựng giám sát hoạt động TMĐT.

- Xây dựng phòng truyền thống số Bộ Công Thương.

b) Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương tại địa chỉ truy cập: www.moit.gov.vn và các trang/cổng thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Bộ đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định mới về cung cấp thông tin, kết nối, liên thông ... giữa các trang/cổng thông tin điện tử.

- Phát triển và duy trì hoạt động Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan.

- Xây dựng và cập nhật hằng năm danh mục dịch vụ công được ưu tiên phát triển ở mức độ 3, 4. Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Triển khai xác thực điện tử đối với các giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ Công Thương.

- Kết nối Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ Công Thương với Hệ thống của Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai các hệ thống khai thác thông tin của ngành Công Thương cho tổ chức, cá nhân.

- Nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng, phát triển Hệ sinh thái Xúc tiến thương mại số.

- Thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia theo yêu cầu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức;

b) Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

d) Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu;

đ) Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

g) Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

h) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dân truy cập vào hệ thống thông tin của Bộ;

i) Chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều khiển công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành;

k) Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng;

l) Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Kiến toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Bộ Công Thương;

b) Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng CNTT và kỹ năng số cho lãnh đạo các cấp và cán bộ các đơn vị trực thuộc Bộ, cán bộ quản lý về chuyển đổi số thuộc các Sở Công Thương các tỉnh thành trên cả nước, đặc biệt là về việc sử dụng các hệ thống thông tin của Bộ Công Thương, các hệ thống thông tin nghiệp vụ của từng đơn vị;

c) Định kỳ hằng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

d) Đào tạo chuyên sâu cho chuyên gia Chính phủ điện tử và an toàn thông tin của Bộ Công Thương; bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chuẩn tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng CNTT mức cơ bản và mức nâng cao;

đ) Tổ chức tập huấn phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến CNTT và an toàn thông tin; bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, ngành về việc sử dụng các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ; việc khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin hệ thống mạng máy tính;

e) Đưa việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng ứng dụng CNTT thành tiêu chí bắt buộc đối với cán bộ mới được tuyển dụng;

g) Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ.

V. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính phủ số.

b) Ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân.

c) Xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Phối hợp với Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam thông qua mạng bưu chính công cộng để cung cấp dịch vụ công.

b) Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tham gia học tập, chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường hội nhập và lĩnh hội những thành tựu của các tổ chức quốc tế, đồng thời tạo thị trường quảng bá cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ của các doanh nghiệp số Việt Nam.

4. Tăng cường triển khai thuê dịch vụ, mua sắm tập trung

Rà soát các nội dung đầu tư và thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo lựa chọn giải pháp hiệu quả nhất trong đầu tư và thuê; mở rộng phạm vi mua sắm tập trung đối với các sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin để đảm bảo thống nhất, tập trung, hiệu quả.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Xây dựng, hiệu đính, điều chỉnh, bổ sung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ để triển khai chính phủ điện tử trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới hướng tới nền kinh tế số, xã hội số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Ban hành và triển khai Kiến trúc chính phủ điện tử cấp Bộ, cập nhật phiên bản 2.0 để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ phát triển chính phủ điện tử tại Bộ.

3. Tiếp tục phát triển các CSDL quốc gia ngành Công Thương. Nghiên cứu sự phù hợp, tính tương thích và quy định các chuẩn về CSDL, chuẩn về công nghệ Cổng thông tin điện tử và các hệ thống thông tin, ... để đảm bảo dữ liệu được liên thông trên hệ thống điều hành của Chính phủ số.

4. Xây dựng, nâng cấp và Duy trì hoạt động các hệ thống nền tảng, các ứng dụng dùng chung của Bộ.

5. Nâng cấp, duy trì hoạt động của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của Bộ kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ chế một cửa quốc gia và hệ thống thông tin Một cửa điện tử quốc gia.

6. Nâng cấp, duy trì các hệ thống ứng dụng phục vụ quản lý điều hành của Bộ.

7. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin: Xây dựng, duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin); ban hành quy chế về an toàn an ninh thông tin tại Bộ...

8. Nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT đảm bảo đủ năng lực để vận hành chính phủ điện tử, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình triển khai các ứng dụng CNTT trong giai đoạn.

9. Phát huy vai trò Ban chỉ đạo về chuyển đổi số Bộ Công Thương, nâng cao hiệu quả thực thi và trách nhiệm giải trình.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí của các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT trong Kế hoạch lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác (nếu có).

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

Phối hợp chặt chẽ với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Quản lý, duy trì, cập nhật đảm bảo đầy đủ, chính xác các thông tin trên các hệ thống thông tin của Bộ và của đơn vị. Khai thác và tạo lập, cập nhật thông tin do đơn vị quản lý vào các Hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của đơn vị, của Bộ đã được xây dựng, triển khai; khai thác có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Bộ. Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn sử dụng chung về CNTT và an toàn thông tin, cũng như các ứng dụng CNTT dùng chung của Bộ.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ triển khai các giải pháp tổng thể, các ứng dụng dùng chung, ứng dụng chuyên ngành theo nhiệm vụ được giao.

Tăng cường vai trò tham mưu, giúp Bộ trưởng về công tác ứng dụng CNTT và an toàn thông tin trong hoạt động của Bộ Công Thương.

Định kỳ kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, thẩm định kỹ thuật và đôn đốc các đơn vị trong Bộ việc triển khai thực hiện và ứng dụng các kết quả của Kế hoạch này. Sơ kết tình hình thực hiện hằng năm, đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện báo cáo Lãnh đạo Bộ kịp thời.

Rà soát, đề xuất điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với yêu cầu phát sinh của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Công Thương và yêu cầu thực tế hằng năm.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tư vấn xây dựng, thẩm định các nhiệm vụ, dự án CNTT trong Kế hoạch trình Bộ phê duyệt.

Chủ trì xây dựng và trình Bộ ban hành các văn bản thúc đẩy ứng dụng CNTT và các quy chế, quy định về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT của Bộ Công Thương.

Nghiên cứu sự phù hợp, tính tương thích và quy định các chuẩn về CSDL, chuẩn về công nghệ, về Cổng thông tin điện tử, về các hệ thống thông tin, ... để đảm bảo sự hoạt động thông suốt các hệ thống thông tin của Bộ trên phạm vi toàn quốc.

3. Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp

Trên cơ sở Kế hoạch này, thực hiện triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển CNTT; cân đối, thực hiện cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách năm cho các đề tài, dự án thành phần trong Kế hoạch.

Hàng năm rà soát các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin để đưa vào danh mục các sản phẩm, dịch vụ mua sắm tập trung của Bộ

Hướng dẫn các đơn vị liên quan công tác giải ngân các nhiệm vụ trong Kế hoạch đúng tiến độ và tuân theo các quy định của pháp luật.

4. Vụ Kế hoạch

Trên cơ sở Kế hoạch này, hướng dẫn các đơn vị liên quan công tác cấp phát, giải ngân vốn đầu tư công để triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch đúng tiến độ và tuân theo các quy định của pháp luật.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, vận hành, duy trì Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Công Thương và Hệ thống Chế độ báo cáo thống kê của Bộ Công Thương.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng kho thông tin, dữ liệu dùng chung của Bộ.

5. Văn phòng Bộ

Phối hợp với Vụ Pháp chế chủ trì thực hiện việc chuẩn hóa và áp dụng các quy trình hành chính tại cơ quan Bộ, bảo đảm gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng CNTT trong quá trình cải cách hành chính của Bộ, giữa các đơn vị trực thuộc Bộ và với các đơn vị ngoài Bộ.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng, triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số để nghiên cứu, đưa việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị vào làm tiêu chí thi đua khen thưởng hàng năm.

6. Vụ Tổ chức cán bộ

Kiểm toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí hợp lý công chức làm công tác CNTT và an toàn thông tin.

Xây dựng Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm CNTT và an toàn thông tin để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo triển khai Chính phủ số, Chính phủ điện tử.

7. Vụ Pháp chế

Rà soát, cập nhật các văn bản pháp quy để phù hợp với việc thực hiện các thủ tục hành chính, các hoạt động chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng.

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Văn phòng Bộ rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản, chính sách thúc đẩy ứng dụng CNTT tại Bộ.

8a. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.

Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

8b. Cục Điều tiết điện lực

Xây dựng, giám sát việc triển khai Chương trình phát triển lưới điện thông minh, trong đó bao gồm việc chuyển đổi số trong vận hành hệ thống điện, phát triển công tơ điện tử và quản lý nhu cầu điện

9. Cục Công nghiệp

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

10. Cục Xuất nhập khẩu (Đầu mối phụ trách công tác điều phối phát triển logistics quốc gia)

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics.

11. Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng

Xây dựng, nâng cấp và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống bảo mật và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê trong các lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý bán hàng đa cấp.

Phối hợp cùng Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số xây dựng, phát triển và nâng cấp các cấu phần, cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý bán hàng đa cấp.

12. Cục Xúc tiến thương mại

Chủ trì phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số triển khai Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ và phù hợp Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Công Thương.

Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại gắn với Chương trình chuyển đổi số Bộ Công Thương giai đoạn 2022-2025, trong đó trọng tâm triển khai các hoạt động phát triển, hoàn thiện “Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số” hỗ trợ các tổ chức thương mại, xúc tiến thương mại,... và cộng đồng doanh nghiệp nâng cao năng lực xúc tiến thương mại thông qua các ứng dụng kết nối liên kết và các nền tảng số chuyên ngành.

13. Vụ Thị trường trong nước

Phối hợp cùng Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số xây dựng các hệ thống CNTT, hệ thống CSDL, hệ thống quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xăng dầu, hệ thống phân phối bán lẻ, chợ đầu mối, chợ truyền thống.

IX. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục dự án, nhiệm vụ CNTT ưu tiên triển khai trong giai đoạn 2022-2025 được tổng hợp tại Phụ lục./.

PHỤ LỤC:

DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CNTT ƯU TIÊN TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|----------|---|-----------|-----------------|----------------------|
| I | Hoàn thiện môi trường pháp lý | | | |
| 1 | Xây dựng và hướng dẫn triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Công Thương phiên bản 2.0 và các phiên bản tiếp theo, đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 2 | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo | 2022-2025 | Vụ Pháp chế | Các đơn vị liên quan |
| 3 | Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy cán bộ công chức, các đơn vị trực thuộc Bộ đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT, sử dụng hiệu quả các hệ thống CNTT vào công tác chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của các đơn vị trực thuộc Bộ, đưa tiêu chí này thành một trong các tiêu chí thi đua khen thưởng của các đơn vị trực thuộc Bộ | 2022-2023 | Cục TMĐT và KTS | VPB, Vụ TCCB |
| 4 | Xây dựng chiến lược dữ liệu cấp Bộ phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Xây dựng quy chế kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu chia sẻ của các cơ sở dữ liệu (CSDL); các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu trao đổi | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 6 | Xây dựng, ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 7 | Xây dựng và ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở của Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 8 | Xây dựng, ban hành danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 9 | Xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu hàng năm tại Bộ Công Thương. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 10 | Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hàng năm | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-----------|---|-----------|-----------------|----------------------|
| 11 | Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về chính phủ số bất kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình chính phủ số, bảo đảm sự kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 12 | Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Bộ Công Thương và các đơn vị thuộc Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 13 | Xây dựng và ban hành quy trình kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính áp dụng trên môi trường số và hệ thống thông tin điện tử | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 14 | Xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả | 2022 | Cục ĐL và NLTT | Các đơn vị liên quan |
| 15 | Xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động. | 2022 | Cục CN | Các đơn vị liên quan |
| 16 | Xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics | 2022 | Cục XNK | Các đơn vị liên quan |
| II | Phát triển hạ tầng kỹ thuật | | | |
| 1 | Nâng cấp và đảm bảo hoạt động của mạng nội bộ tại trụ sở 54 Hai Bà Trưng, trụ sở 21-23-25 Ngô Quyền và các trụ sở khác | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |
| 2 | Xây dựng mới và đảm bảo hoạt động của Trung tâm dữ liệu của Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 3 | Đảm bảo hoạt động của Trung tâm dữ liệu bên ngoài Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 4 | Duy trì kết nối Internet | 2022-2025 | VPB | Cục TMĐT và KTS |
| 5 | Triển khai hệ thống giám sát hạ tầng của Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 6 | Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|------------|---|-----------|-----------------|---|
| 7 | Bảo đảm hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ theo hướng ưu tiên thuế dịch vụ, sử dụng hiệu quả | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB Các đơn vị liên quan |
| 8 | Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Bộ và công việc của các cán bộ | 2022-2025 | VPB | Cục TMĐT và KTS, Vụ TC và DMDN |
| 9 | Trang bị bản quyền phần mềm cho 100% máy tính tại Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 10 | Thực hiện triển khai dịch vụ chứng thực điện tử và chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ công chức viên chức người lao động thuộc Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 11 | Sử dụng giải pháp, thiết bị, công nghệ dựa trên công nghệ mở để triển khai các ứng dụng CNTT đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh; | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 12 | Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 13 | Triển khai, duy trì và vận hành hạ tầng kỹ thuật và các ứng dụng công nghệ thông tin của Cục XTMM liên tục, thông suốt, tính mở rộng cao đáp ứng các yêu cầu chia sẻ thông tin dữ liệu và bảo đảm an toàn an ninh thông tin. | 2022-2025 | Cục XTMM | Cục TMĐT và KTS Các đơn vị liên quan |
| 14 | Cải thiện cơ sở hạ tầng logistics gắn với thương mại điện tử | 2022-2025 | Cục XNK | Cục TMĐT và KTS Các đơn vị liên quan |
| III | Phát triển các hệ thống nền tảng | | | |
| 1 | Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 2 | Xây dựng, duy trì dịch vụ nền tảng để đăng nhập trong các hệ thống thông tin theo cơ chế đăng nhập một lần (SSO - Single Sign On). | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-----------|--|-----------|-----------------|--|
| 3 | Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Công Thương kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Vụ KH, VPB và các đơn vị liên quan |
| 4 | Xây dựng các hệ thống đặc thù để dùng chung trong nội bộ của Bộ để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Xây dựng Trung tâm điều hành Bộ Công Thương. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB, Vụ Kế hoạch Các đơn vị liên quan |
| IV | Phát triển dữ liệu | | | |
| 1 | Xây dựng và khai thác CSDL danh mục điện tử dùng chung của Bộ Công Thương, đồng bộ thống nhất giữa các danh mục do các đơn vị trực thuộc Bộ quản lý; đồng bộ với danh mục dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 2 | Xây dựng hệ thống quản lý thông tin dữ liệu về các lĩnh vực do Bộ Công Thương quản lý; | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 3 | Xây dựng, cập nhật, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành, kết nối, liên thông, chia sẻ với hệ thống thông tin một cửa điện tử, Công dịch vụ công cấp Bộ, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 4 | Xây dựng hệ thống hỗ trợ cá nhân, tổ chức truy cập đến các thông tin dữ liệu do Bộ Công Thương quản lý. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 6 | Xây dựng Công cụ dữ liệu mở ngành Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 7 | Xây dựng, phát triển và nâng cấp phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý bán hàng đa cấp | 2022-2025 | Cục CT và BVNTD | Các đơn vị liên quan |
| 8 | Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành xúc tiến thương mại bao gồm mạng lưới xúc tiến thương mại trong nước và quốc | 2022-2025 | Cục XTMT | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|----------|--|-----------|-----------------|----------------------|
| | tế; doanh nghiệp xúc tiến thương mại; ngành hàng, thị trường và các cơ sở dữ liệu khác phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại | | | |
| 9 | Xây dựng hệ thống CSDL điều hành quản lý và kinh doanh xăng dầu | 2022-2025 | Vụ TTTN | Cục TMĐT và KTS |
| 10 | Xây dựng hệ thống CSDL quản lý điều hành hệ thống phân phối bán lẻ | 2022-2025 | Vụ TTTN | Cục TMĐT và KTS |
| 11 | Xây dựng hệ thống quản lý thông tin dữ liệu về lĩnh vực logistics | 2022-2025 | Cục XNK | Các đơn vị liên quan |
| 12 | Hoàn thiện, vận hành cơ sở dữ liệu số về các ngành công nghiệp; triển khai cơ chế hợp tác ứng dụng nhà máy thông minh trong sản xuất công nghiệp | 2022-2025 | Cục CN | Các đơn vị liên quan |
| V | Phát triển ứng dụng CNTT phục vụ nội bộ | | | |
| 1 | Duy trì, hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng của Bộ đảm bảo thực hiện quản lý hồ sơ công việc, kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp của Bộ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |
| 2 | Xây dựng, cập nhật hệ thống thư điện tử Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 3 | Xây dựng, cập nhật các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 4 | Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ họp trực tuyến, làm việc từ xa. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Xây dựng phần mềm quản lý cán bộ của Bộ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Vụ TCCB |
| 6 | Xây dựng hệ thống phục vụ hoạt động kiểm tra của Bộ Công Thương thông qua môi trường số | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 7 | Xây dựng hệ thống phòng họp không giấy tờ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |
| 8 | Xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |
| 9 | Xây dựng Cổng thông tin nội bộ, ứng dụng di động tập trung, hệ thống thông tin tập trung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-----|--|-----------|---------------------|--|
| 10 | Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động TMĐT đáp ứng quy định tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP, kết nối với Công Dịch vụ công Bộ Công Thương, Công Dịch vụ công quốc gia | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | |
| 11 | Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động TMĐT | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | |
| 12 | Xây dựng phòng truyền thống số Bộ Công Thương | 2022-2025 | Tạp chí CT | Cục TMĐT và KTS, VPB |
| 13 | Xây dựng, phát triển hệ thống kết nối mạng LAN ảo (VPN Client-to-Site, Site-to-Site) cho các cán bộ công chức, viên chức, người lao động của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ nằm ngoài trụ sở 54 Hai Bà Trưng, 21-23-25 Ngô Quyền, Hà Nội | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 14 | Xây dựng phần mềm phục vụ công tác chuyên môn đầu mối điều phối phát triển logistics quốc gia | 2022-2025 | Cục XNK | Các đơn vị liên quan |
| VI | Phát triển ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp | | | |
| 1 | Nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương và các trang/cổng thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Bộ. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB, các đơn vị có trang thông tin điện tử |
| 2 | Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tạp chí Công Thương điện tử theo xu hướng chuyên đổi số. | 2022-2025 | Tạp chí Công Thương | Cục TMĐT và KTS |
| 3 | Duy trì, nâng cấp Công Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Công Thương, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia, Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan. | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 4 | Xây dựng và cập nhật các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Xây dựng, kết nối Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ Công Thương với Hệ thống của Chính phủ | 2022-2025 | Cục TMĐT và KTS | VPB |
| 6 | Xây dựng, phát triển Hệ sinh thái Xúc tiến thương mại số | 2022-2025 | Cục XTTM | Cục TMĐT và KTS |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|------------|---|-----------|-----------------|---|
| 7 | Phát triển, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; nhân rộng các mô hình thành công. | 2022-2025 | Cục XTTM | Cục TMDT và KTS Các đơn vị liên quan |
| 8 | Xây dựng phần mềm quản lý doanh nghiệp logistics | 2022-2025 | Cục XNK | Cục TMDT và KTS Các đơn vị liên quan |
| VII | Bảo đảm an toàn thông tin | | | |
| 1 | Triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 2 | Triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin) | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 3 | Rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 5 | Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 6 | Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 7 | Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Vụ TCCB |
| 8 | Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dân truy cập vào hệ thống thông tin của Bộ | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | VPB, Vụ TCCB |
| 9 | Chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-------------|---|-----------|--------------------|----------------------------|
| | khuyến công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành | | | |
| 10 | Kiến toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng; | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 11 | Thuê dịch vụ giám sát và bảo đảm an toàn mạng cho hệ thống thông tin của Bộ Công Thương. | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | |
| 12 | Định kỳ tiến hành diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng tại Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 13 | Trang bị phần mềm diệt virus cho máy chủ, máy trạm Bộ Công Thương | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | |
| VIII | Phát triển nguồn nhân lực | | | |
| 1 | Kiến toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số Bộ Công Thương; | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |
| 2 | Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng CNTT và kỹ năng số cho lãnh đạo các cấp và cán bộ các đơn vị trực thuộc Bộ, cán bộ quản lý về chuyển đổi số thuộc các Sở Công Thương các tỉnh thành trên cả nước, đặc biệt là về việc sử dụng các hệ thống thông tin của Bộ Công Thương, các hệ thống thông tin nghiệp vụ của từng đơn vị | 2022-2025 | Vụ TCCB | Cục TMDT và KTS |
| 3 | Tổ chức, xây dựng, biên soạn chương trình tài liệu chuyển đổi số phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số đối với các đối tượng công chức, viên chức ngành công thương và cán bộ quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại | 2022-2025 | Trường BDCBCTTW | Vụ TCCB Cục TMDT và KTS |
| 4 | Hỗ trợ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại | 2022-2025 | Trường BDCBCTTW | Vụ TCCB Cục TMDT và KTS |
| 5 | Định kỳ hằng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho | 2022-2025 | Cục TMDT và KTS | Các đơn vị liên quan |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-----|--|-----------|------------------|----------------------|
| | cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý | | | |
| 6 | Đào tạo chuyên sâu cho chuyên gia Chính phủ điện tử và an toàn thông tin của Bộ Công Thương; bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chuẩn tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng CNTT mức cơ bản và mức nâng cao | 2022-2025 | Cục TMDĐT và KTS | Vụ TCCB |
| 7 | Tổ chức tập huấn phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến CNTT và an toàn thông tin; bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, ngành về việc sử dụng các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ; việc khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin hệ thống mạng máy tính | 2022-2025 | Cục TMDĐT và KTS | Vụ TCCB |
| 8 | Đưa việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng ứng dụng CNTT thành tiêu chí bắt buộc đối với cán bộ mới được tuyển dụng | 2022-2025 | Vụ TCCB | Cục TMDĐT và KTS |
| 9 | Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ | 2022-2025 | Cục TMDĐT và KTS | Vụ TCCB |
| 10 | Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng CNTT cho lãnh đạo cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp logistics | 2022-2025 | Cục XNK | Các đơn vị liên quan |

